TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC - 2016

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA 35 NĂM 2016

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cơ quan công tác	CHUYÊN NGÀNH	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN		
					Hồ sơ	Bài luận ĐCNC	Tổng điểm
1	Nguyễn Ngọc Cương	04.09.1983	Khoa CĐHA, BV ĐHYHN	Chẩn đoán hình ảnh	30.0	55.40	**85.40**
2	Nguyễn Quang Anh	12.10.1986	Bm CĐHA, Trường ĐHYHN	Chẩn đoán hình ảnh	28.0	51.20	**79.20**
3	Lê Hoàng Kiên	27.11.1985	Khoa CĐHA, BV Bạch Mai	Chẩn đoán hình ảnh	29.0	50.20	**79.20**
4	Ngô Văn Đoan	10.11.1977	Khoa CĐHA, BVĐK Quốc tế Vinmec- Time City	Chẩn đoán hình ảnh	26.5	51.20	**77.70**
5	Ma Ngọc Thành	01.03.1980	Bộ môn PTTN, ĐHYHN	**CTCH** và tạo hình	29.0	52.80	**81.80**
6	Nguyễn Đức Tiến	19.12.1986	Khoa Bỏng-Tạo hình, BVHN Việt Tiệp, Hải Phòng	CTCH và **tạo hình**	31.0	50.60	**81.60**
7	Hoàng Thị Phương Lan	06.03.1979	Khoa Phẫu thuật tạo hình, BVĐK Đức Giang	CTCH và **tạo hình**	29.5	51.00	**80.50**
8	Trần Đình Toản	06.11.1980	Khoa Phẫu thuật cột sống, BVVĐ	**CTCH** và tạo hình	28.0	51.00	**79.00**
9	Nguyễn Văn Học	12.09.1984	Khoa Chấn thương chỉnh hình 1, Viện CTCH, BVVĐ	**CTCH** và tạo hình	27.0	50.40	**77.40**
10	Nguyễn Ngọc Sơn	08.11.1980	Khoa Chấn thương - Chỉnh hình, BVTW Thái Nguyên	**CTCH** và tạo hình	32.0	40.40	**72.40**
11	Vũ Thị Dung	03.04.1984	Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, BVĐHYHN	CTCH và **tạo hình**	21.0	51.00	**72.00**
12	Nguyễn Huy Phương	12.10.1987	Bộ môn Ngoại, ĐHYHN	**CTCH** và tạo hình	27.5	42.20	**69.70**
13	Phan Bá Hải	05.04.1984	Khoa Chấn thương chỉnh hình 1, Viện CTCH, BVVĐ	**CTCH** và tạo hình	25.5	41.80	**67.30**
14	Vũ Văn Vinh	01.12.1977	Khoa Chấn thương bỏng, BV 19-8, Bộ Công An	**CTCH** và tạo hình	26.5	27.25	**53.75**
15	Trần Thị Hồng Vân	14.04.1988	Bộ môn DD và VSATTP, Khoa YTCC, ĐH YD Thái Nguyên	Dinh dưỡng	20.0	45.80	**65.80**
16	Mai Phương Thanh	19.09.1986	Bộ môn Dược lý, ĐHYHN	Dược lý và độc chất	30.0	54.75	**84.75**
17	Nguyễn Thị Thanh Hà	02.01.1986	Bộ môn Dược lý, ĐHYHN	Dược lý và độc chất	31.0	53.20	**84.20**
18	Tạ Ngân Giang	31.03.1979	Bộ môn Gây mê hồi sức, ĐHYHN	Gây mê hồi sức	30.0	47.75	**77.75**
19	Nguyễn Thị Dung	15.10.1982	Khoa Gây mê hồi sức, BVTW Thái Nguyên	Gây mê hồi sức	25.0	51.00	**76.00**
20	Nguyễn Thu Ngân	04.11.1986	TT Gây mê và hồi sức, BVVĐ	Gây mê hồi sức	28.5	46.60	**75.10**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cơ quan công tác	CHUYÊN NGÀNH	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN		
					Hồ sơ	Bài luận ĐCNC	Tổng điểm
21	Thiều Tăng Thắng	12.10.1979	Khoa Phẫu thuật Gây mê hồi sức, BV Nhi TW	Gây mê hồi sức	30.0	40.25	**70.25**
22	Trần Minh Long	20.07.1975	Khoa Gây mê hồi sức, BV Hữu nghị ĐK Nghệ An	Gây mê hồi sức	28.0	41.80	**69.80**
23	Hồ Đức Thưởng	26.03.1985	Khoa Giải phẫu bệnh, BV Việt Đức	Giải phẫu bệnh và pháp y	30.0	55.40	**85.40**
24	Vũ Thành Trung	14.07.1975	Bộ môn Giải Phẫu, Trường ĐHYHN	Giải phẫu người	33.0	53.00	**86.00**
25	Chu Văn Tuệ Bình	17.09.1978	Bộ môn Giải Phẫu, Trường ĐHYHN	Giải phẫu người	28.0	51.40	**79.40**
26	Nguyễn Thị Thanh Hương	30.12.1985	Phòng XN, Khoa Khám bệnh theo yêu cầu, BV Phụ Sản TW	Hóa sinh y học	24.5	55.00	**79.50**
27	Phạm Thị Thùy	26.12.1987	Bộ môn Sinh hóa, Trường ĐHYD Thái Nguyên	Hóa sinh y học	24.5	46.00	**70.50**
28	Trịnh Thị Quế	03.07.1976	Khoa Xét nghiệm, BV MedLatec	Hóa sinh y học	22.5	45.50	**68.00**
29	Vũ Việt Hà	28.06.1984	Bộ môn Hồi sức cấp cứu, Trường ĐHYHN	Hồi sức CC và chống độc	29.5	56.60	**86.10**
30	Hà Thị Bích Vân	24.02.1982	Khoa cấp cứu, BVĐK Phú Thọ	Hồi sức CC và chống độc	28.0	49.00	**77.00**
31	Vũ Quang Hưng	16.11.1978	Khoa Điều trị hóa chất H7, Viện Huyết học - Truyền máu TW	Huyết học và truyền máu	35.0	54.00	**89.00**
32	Hoàng Thị Hồng	12.04.1984	Bộ môn Huyết học - Truyền máu, ĐHYHN	Huyết học và truyền máu	32.0	55.00	**87.00**
33	Nguyễn Bá Khanh	27.09.1986	Bộ môn Huyết học - Truyền máu, ĐHYHN	Huyết học và truyền máu	29.0	56.50	**85.50**
34	Phù Chí Dũng	20.07.1966	BV Truyền máu - Huyết học TP. Hồ Chí Minh	Huyết học và truyền máu	35.0	50.25	**85.25**
35	Nguyễn Quang Hảo	04.09.1981	Khoa Huyết học Lâm sàng, BVTW Thái Nguyên	Huyết học và truyền máu	29.0	51.70	**80.70**
36	Nguyễn Quốc Thành	13.04.1983	Bộ môn Huyết học, Khoa Y, ĐHYD TP.HCM	Huyết học và truyền máu	34.5	46.00	**80.50**
37	Đặng Thị Thu Hằng	10.12.1984	Bộ môn Huyết học - Truyền máu, ĐHYD Thái Bình	Huyết học và truyền máu	33.0	45.75	**78.75**
38	Hoàng Thị Thanh Nga	04.12.1983	Khoa Huyết thanh học, Viện Huyết học - Truyền máu TW	Huyết học và truyền máu	34.0	42.20	**76.20**
39	Hà Hữu Nguyện	01.02.1979	Khoa hiến máu và các thành phần máu	Huyết học và truyền máu	30.5	36.40	**66.90**
40	Nguyễn Thị Hằng	16.12.1981	Khoa Nhi, BV Phổi TW	Lao	28.0	44.75	**72.75**
41	Đặng Quang Huy	09.02.1985	Khoa Phẫu thuật Tim mạch và lồng ngực, BE	Ngoại Lồng ngực	30.5	52.20	**82.70**
42	Nguyễn Minh Tuấn	31.07.1978	Khoa Ngoại chung, BV 19-8, Bộ Công An	Ngoại Lồng ngực	30.5	41.40	**71.90**
43	Trần Xuân Hùng	20.07.1979	Khoa Ngoại, BV Nội tiết TW	Ngoại Lồng ngực	25.0	37.00	**62.00**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cơ quan công tác	CHUYÊN NGÀNH	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN		
					Hồ sơ	Bài luận ĐCNC	Tổng điểm
44	Phạm Quỳnh Trang	30.03.1978	Khoa Phẫu thuật Thần kinh, BV Bạch Mai	Ngoại thần kinh sọ não	31.0	53.00	**84.00**
45	Nguyễn Trọng Diện	17.10.1974	BVĐK tỉnh Quảng Ninh	Ngoại thần kinh sọ não	30.5	51.25	**81.75**
46	Nguyễn Đức Anh	13.02.1985	Khoa Phẫu thuật thần kinh, BV Bạch Mai	Ngoại thần kinh sọ não	30.5	46.75	**77.25**
47	Phạm Thanh Tuân	14.01.1981	Khoa Phẫu thuật Sọ não- Cột sống, BVHN Việt Tiệp Hải Phòng	Ngoại thần kinh sọ não	24.5	43.00	**67.50**
48	Hoàng Văn Hậu	20.08.1978	Bộ môn PTTN, ĐHYHN	Ngoại thận và tiết niệu	31.0	46.00	**77.00**
49	Nguyễn Thanh Quang	15.09.1985	Khoa Ngoại Tiết niệu, BV Nhi TW	Ngoại thận và tiết niệu	22.5	48.40	**70.90**
50	Nguyễn Đình Liên	01.01.1983	Bộ môn Ngoại, ĐHYHN	Ngoại thận và tiết niệu	30.0	39.80	**69.80**
51	Trần Quế Sơn	13.08.1984	Bộ môn Ngoại, ĐHYHN	Ngoại tiêu hóa	26.0	51.60	**77.60**
52	Ngô Duy Minh	25.03.1985	Khoa Ngoại, BVĐK Quốc tế Vinmec	Ngoại tiêu hóa	27.5	49.20	**76.70**
53	Bùi Trung Nghĩa	17.11.1984	Phòng Kế hạch tổng hợp, BV VĐ	Ngoại tiêu hóa	31.5	44.25	**75.75**
54	Đào Đức Dũng	19.12.1984	Khoa Ngoại, BVĐK Tâm Anh, Long Biên, HN	Ngoại tiêu hóa	34.0	41.40	**75.40**
55	Hồng Quý Quân	17.06.1983	Khoa Phẫu thuật Nhi, BVVĐ	Ngoại tiêu hóa	30.5	43.40	**73.90**
56	Nguyễn Minh Trọng	05.01.1981	Khoa Khám bệnh, BVVĐ	Ngoại tiêu hóa	29.5	40.50	**70.00**
57	Trần Thu Hương	11.08.1985	Khoa Mắt trẻ em, BV Mắt TW	Nhãn khoa	31.5	55.25	**86.75**
58	Hà Huy Thiên Thanh	06.10.1985	Khoa Chấn thương, BV Mắt TW	Nhãn khoa	31.5	54.00	**85.50**
59	Vũ Thị Quế Anh	16.10.1987	Bộ môn Mắt, ĐHYHN	Nhãn khoa	33.0	48.00	**81.00**
60	Vũ Thị Kim Liên	03.10.1976	Bộ môn Mắt, ĐHYD Thái Nguyên	Nhãn khoa	32.0	48.40	**80.40**
61	Nguyễn Thị Thu Hiền	09.11.1985	Khoa Tạo hình thẩm mỹ, BV Mắt TW	Nhãn khoa	33.5	46.40	**79.90**
62	Bùi Đào Quân	05.09.1984	Khoa Chấn thương, BV Mắt TW	Nhãn khoa	29.5	48.40	**77.90**
63	Hà Thị Thu Hà	12.12.1982	Khoa Tạo hình thẩm mỹ, BV Mắt TW	Nhãn khoa	33.0	44.40	**77.40**
64	Nguyễn Thị Thu Trang	19.07.1978	Bộ môn Mắt, ĐHYD Hải Phòng	Nhãn khoa	28.0	39.75	**67.75**
65	Lý Minh Đức	22.11.1981	Khoa Mắt, BV 19-8 Bộ Công An	Nhãn khoa	26.0	35.80	**61.80**
66	Phạm Thị Mỹ Hạnh	25.07.1984	BVQY 103, HVQY	Nhãn khoa	23.0	29.25	**52.25**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cơ quan công tác	CHUYÊN NGÀNH	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN		
					Hồ sơ	Bài luận ĐCNC	Tổng điểm
67	Phí Thị Quỳnh Anh	12.10.1984	Khoa Tai Mũi Họng, BV Nhi TW	Nhi khoa	28.5	48.00	**76.50**
68	Trần Đắc Đại	17.02.1980	Khoa Tim trẻ em, TT Tim mạch, BVE	Nhi khoa	30.0	45.80	**75.80**
69	Nguyễn Trần Ngọc Hiếu	26.09.1984	Khoa Nhi, BVQY 103	Nhi khoa	27.5	46.60	**74.10**
70	Chu Lan Hương	05.02.1975	Khoa Hồi sức cấp cứu, BV Nhi TW	Nhi khoa	26.5	31.50	**58.00**
71	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05.11.1978	Trung tâm hô hấp, BV Bạch Mai	Nội hô hấp	31.0	58.00	**89.00**
72	Vũ Thị Thu Trang	11.04.1986	Phân môn Hô hấp, bộ môn Nội tổng hợp, ĐHYHN	Nội hô hấp	30.5	57.60	**88.10**
73	Nguyễn Thanh Thủy	08.02.1986	Phân môn Hô hấp, bộ môn Nội tổng hợp, ĐHYHN	Nội hô hấp	32.0	52.80	**84.80**
74	Phạm Thị Lệ Quyên	17.09.1981	Trung tâm hô hấp, BV Bạch Mai	Nội hô hấp	26.5	56.60	**83.10**
75	Nguyễn Minh Sang	01.05.1982	Khoa hô hấp - Dị ứng, BV Hữu Nghị	Nội hô hấp	25.0	49.20	**74.20**
76	Trần Thu Trang	04.02.1978	Khoa Khám bệnh theo yêu cầu, BVBM	Nội hô hấp	23.0	49.00	**72.00**
77	Lê Na	10.06.1979	Khoa Nội tiết- Đái tháo đường, BVĐK tỉnh Phú Thọ	Nội tiết	28.5	41.80	**70.30**
78	Đặng Trung Thành	13.09.1977	Khoa Nội tiêu hóa, BVE	Nội tiêu hóa	28.0	48.00	**76.00**
79	Trịnh Việt Hà	28.03.1981	Phòng C2, Viện Tim mạch, BVBM	Nội tim mạch	29.0	54.50	**83.50**
80	Đặng Duy Phương	25.04.1982	Đơn vị thông tim can thiệp, Viện Tim mạch TP. Hồ Chí Minh	Nội tim mạch	26.0	56.50	**82.50**
81	Trần Thị Linh Tú	26.05.1973	Phòng khám Đa khoa, BV Tim HN	Nội tim mạch	30.0	49.00	**79.00**
82	Trần Hải Yến	25.11.1978	Phòng C7, Viện Tim mạch, BVBM	Nội tim mạch	21.0	55.80	**76.80**
83	Vũ Quang Ngọc	09.05.1983	Phòng C4, Viện Tim mạch, BVBM	Nội tim mạch	28.0	48.40	**76.40**
84	Nguyễn Thị Thu Hằng	10.11.1973	Khoa Nội tổng hợp A, BV Hữu Nghị	Nội tim mạch	30.0	46.40	**76.40**
85	Nguyễn Thị Duyên	23.11.1981	Phòng C5, Viện Tim mạch, BVBM	Nội tim mạch	28.0	46.00	**74.00**
86	Lê Xuân Thận	01.09.1981	Phòng C7, Viện Tim mạch, BVBM	Nội tim mạch	28.5	44.80	**73.30**
87	Nguyễn Thị Hoa	25.07.1980	Khoa Cơ- Xương - Khớp, BV Hữu Nghị	Nội xương khớp	32.0	53.50	**85.50**
88	Trần Phương Hải	28.08.1983	Khoa Cơ- Xương - Khớp, BVBM	Nội xương khớp	30.0	51.60	**81.60**
89	Nguyễn Thị Bích Ngọc	23.04.1972	Khoa Cơ- Xương - Khớp, BVE	Nội xương khớp	28.0	48.25	**76.25**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cơ quan công tác	CHUYÊN NGÀNH	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN		
					Hồ sơ	Bài luận ĐCNC	Tổng điểm
90	Hoàng Khánh Chi	13.11.1982	Khoa Vật lý trị liệu, BV Phục hồi chức năng Hà Nội	Phục hồi chức năng	29.0	55.00	**84.00**
91	Nguyễn Hoàng Minh	11.10.1988	Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	34.0	57.00	**91.00**
92	Hoàng Thị Đợi	19.10.1983	Bộ môn Bệnh CK, Khoa Y, Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	33.5	53.40	**86.90**
93	Nguyễn Lê Hùng	03.01.1983	Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	31.0	53.80	**84.80**
94	Vũ Văn Xiêm	25.02.1971	Khoa Ngũ quan, BVĐK YHCT Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	29.0	55.40	**84.40**
95	Trương Đình Khởi	10.08.1985	Khoa Răng Hàm Mặt, BVĐK Nông Nghiệp	Răng - Hàm - Mặt	28.0	52.20	**80.20**
96	Phạm Thị Thanh Bình	17.05.1983	Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	28.5	49.40	**77.90**
97	Võ Anh Dũng	01.06.1981	Khoa Phẫu thuật Hàm Mặt, BV Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	25.5	52.00	**77.50**
98	Nguyễn Hùng Hiệp	06.07.1978	Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	29.0	46.80	**75.80**
99	Nguyễn Thị Bích Vân	12.09.1972	Bộ môn Phụ Sản, ĐHYHN	Sản Phụ khoa	30.5	58.00	**88.50**
100	Đào Nguyên Hùng	03.06.1982	Bộ môn Phụ Sản, Học viện Quân Y	Sản Phụ khoa	34.0	51.20	**85.20**
101	Lê Nguyễn Trọng Nhân	03.11.1986	Phòng Kế hoạch tổng hợp, BV Sản Nhi Cà Mau	Sản Phụ khoa	26.5	54.80	**81.30**
102	Nguyễn Thị Thu Phương	07.11.1976	Bộ môn Phụ Sản, ĐHYHN	Sản Phụ khoa	35.0	45.50	**80.50**
103	Nguyễn Bá Thiết	10.11.1983	Khoa Khám bệnh, BV Phụ Sản TW	Sản Phụ khoa	30.0	49.80	**79.80**
104	Mai Trọng Dũng	14.01.1976	Phòng Kế hoạch tổng hợp, BV Phụ Sản TW	Sản Phụ khoa	28.5	50.40	**78.90**
105	Nguyễn Liên Phương	03.03.1973	Khoa Sản bệnh lý, BV Phụ Sản TW	Sản Phụ khoa	28.5	49.60	**78.10**
106	Phùng Văn Huệ	06.05.1979	Khoa Sản Phụ khoa, BV 19-8, Bộ Công An	Sản Phụ khoa	27.0	44.80	**71.80**
107	Phạm Thị Thu Huyền	18.06.1983	TT Khám chữa bệnh chất lượng cao, BVĐK tỉnh Phú Thọ	Sản Phụ khoa	29.0	42.80	**71.80**
108	Hoàng Xuân Sơn	20.01.1972	BVĐK tỉnh Bắc Cạn	Sản Phụ khoa	33.0	32.80	**65.80**
109	Bùi Hải Nam	01.11.1979	Bộ môn Phụ Sản, ĐH YD Thái Nguyên	Sản Phụ khoa	29.5	33.80	**63.30**
110	Phan Chí Thành	18.12.1985	Phòng Chỉ đạo tuyến, BV Phụ Sản TW	Sản Phụ khoa	32.5	30.60	**63.10**
111	Vũ Thị Tuất	30.10.1983	BV Kiến An, Hải Phòng	Sản Phụ khoa	26.0	30.80	**56.80**
112	Phùng Thị Hòa	17.10.1985	Bộ môn Tai Mũi Họng, ĐHYD Hải Phòng	Tai - Mũi - Họng	32.0	55.40	**87.40**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cơ quan công tác	CHUYÊN NGÀNH	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN		
					Hồ sơ	Bài luận ĐCNC	Tổng điểm
113	Phạm Tiến Dũng	10.02.1976	Khoa Thính học và thăm dò chức năng, BV Tai Mũi Họng TW	Tai - Mũi - Họng	32.0	53.00	**85.00**
114	Trần Thị Thu Hiền	08.05.1977	Khoa Phẫu thuật chỉnh hình, BV Tai Mũi Họng TW	Tai - Mũi - Họng	33.0	47.60	**80.60**
115	Nguyễn Tuấn Lượng	10.01.1982	Bộ môn Thần kinh, ĐH YD Hải Phòng	Thần kinh	32.0	54.40	**86.40**
116	Đỗ Lập Hiếu	19.09.1979	TT Pháp Y, Viện Khoa học hình sự, Bộ Công An	Thần kinh	26.5	53.20	**79.70**
117	Trần Thị Hải Ninh	04.08.1981	Khoa Nhiễm khuẩn tổng hợp, BV Nhiệt đới TW	Truyền nhiễm và CBNĐ	31.5	57.60	**89.10**
118	Phạm Vĩnh Hùng	20.04.1972	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Ung thư	33.0	55.75	**88.75**
119	Nguyễn Công Hoàng	01.09.1972	Khoa Xạ 5, Bệnh viện K	Ung thư	29.5	55.60	**85.10**
120	Nguyễn Trọng Hiếu	01.12.1977	Khoa Nội 2, BV Ung bướu Hà Nội	Ung thư	31.0	53.80	**84.80**
121	Nguyễn Viết Bình	20.10.1972	Khoa Ngoại tổng hợp 1, BVHN ĐK Nghệ An	Ung thư	30.0	51.80	**81.80**
122	Nguyễn Xuân Hậu	20.12.1986	Bộ môn Ung thư, ĐHYHN	Ung thư	30.0	50.75	**80.75**
123	Lê Thị Huyền Sâm	30.12.1982	Bộ môn Ung bướu, ĐH YD Hải Phòng	Ung thư	31.0	49.40	**80.40**
124	Nguyễn Thị Lan Hương	05.12.1973	Khoa PXLS, Viện Y học phóng xạ và Ung bướu Quân đội	Ung thư	33.0	47.00	**80.00**
125	Phạm Lâm Sơn	06.08.1973	Khoa Xạ 5, Bệnh viện K	Ung thư	27.5	51.80	**79.30**
126	Phạm Tuấn Anh	12.02.1985	Khoa Nội 5, Bệnh viện K-CS Tân Triều, HN	Ung thư	32.0	45.40	**77.40**
127	Hoàng Đào Chinh	26.10.1981	Khoa Xạ trị - Xạ phẫu, BV TWQĐ 108	Ung thư	28.0	47.90	**75.90**
128	Trần Hùng	20.10.1978	Khoa Xạ đầu cổ, Bệnh viện K	Ung thư	32.0	41.00	**73.00**
129	Lưu Hùng Vũ	10.03.1967	Khoa Nội 2, BV Ung bướu TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	31.0	38.60	**69.60**
130	Trịnh Xuân Dương	14.10.1982	Bộ môn Ngoại, ĐHYD Thái Bình	Ung thư	29.0	29.20	**58.20**
131	Chu Thị Loan	01.07.1985	Bộ môn Vi sinh, ĐHYHN	Vi sinh y học	26.5	47.40	**73.90**
132	Trịnh Thị Lụa	28.02.1981	Bộ môn lý luận y học cổ truyền - Khoa YHCT - ĐHYHN	Y học cổ truyền	28.5	51.00	**79.50**
133	Nguyễn Thị Bích Hồng	10.02.1984	Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh - Bệnh viện YHCT Trung ương	Y học cổ truyền	27.5	51.40	**78.90**
134	Hoàng Đức Huy	24.10.1970	Công ty TNHH TMDV Đông dược Đức Hoàng	Y học cổ truyền	22.0	36.20	**58.20**
135	Nguyễn Thị Sim	06.08.1983	TT Chẩn đoán trước sinh và sàng lọc sơ sinh, BV Phụ Sản TW	Y sinh học di truyền	30.0	55.20	**85.20**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cơ quan công tác	CHUYÊN NGÀNH	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN		
					Hồ sơ	Bài luận ĐCNC	Tổng điểm
136	Trần Thị Nga	04.04.1973	Bộ môn tổ chức và Quản lý y tế - Viện ĐTYHDP-YTCC	Y tế công cộng	32.0	56.00	**88.00**
137	Nguyễn Thành Quân	05.06.1981	Phòng ngiệp vụ Y-Sở y tế Hà Nội	Y tế công cộng	29.5	52.20	**81.70**
138	Đỗ Quang Tuyển	17.08.1985	BM điều dưỡng-khoa KHSK-ĐH Thăng Long	Y tế công cộng	29.0	48.80	**77.80**
139	Nguyễn Thành Trung	01.03.1983	Khoa Y Dược ĐH Quốc Gia	Y tế công cộng	28.0	46.10	**74.10**
140	Đinh Thị Thanh Thúy	11.11.1977	Trung tâm nghiên cứu và đào tạo HIV/AIDS, ĐHYHN	Y tế công cộng	28.0	45.40	**73.40**
141	Đoàn Thị Thuỳ Linh	21.09.1985	Cục phòng chống HIV/AIDS-Bộ Y tế	Y tế công cộng	29.5	43.80	**73.30**
142	Mạc Đăng Tuấn	11.06.1991	Bộ môn Y Dược CĐ và Y dự phòng-Khoa Y Dược-ĐH QGHN	Y tế công cộng	21.0	50.50	**71.50**
143	Lê Văn Trụ	10.09.1970	Phòng nghiệp vụ Y và Dược, Cục quản lý khám chữa bệnh Bộ Y tế	Y tế công cộng	21.0	49.20	**70.20**
144	Trần Thị Lý	13.02.1984	Trung tâm Đào tạo và chỉ đạo tuyến-BV Phổi TW	Y tế công cộng	25.5	43.20	**68.70**
145	Nguyễn Trọng Tài	09.10.1974	Bộ môn Dịch tễ học- Viện YHDP-YTCC	Y tế công cộng	21.0	45.60	**66.60**
146	Vũ Minh Tuấn	14.12.1982	Bộ môn dân số học, Viện ĐTYHDP-YTCC	Y tế công cộng	29.0	37.60	**66.60**
147	Lương Anh Bình	24.04.1982	Phòng chỉ đạo chương trình, BV Phổi Trung ương	Y tế công cộng	25.5	34.20	**59.70**

Ghi chú: Tiêu chí sắp xếp theo thứ tự
1. Tổng điểm xếp từ cao - thấp
2. Điểm bài luận - đề cương nghiên cứu

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2016
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Tạ Thành Văn